TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 238/2018/DS-PT
Ngày: 20-11-2018
V/v tranh chấp lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;
Ông Nguyễn Văn Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp lôi đi. Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2018/QĐPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn O, sinh năm 1961 và bà Phạm TĐ, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1967 và bà Ngô TM, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 2, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 19-9-2018) - có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 5, ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Đinh Thị Thủy C, sinh năm 1988 và chị Đinh Thị Trà G, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo, bị đơn ông Trần Văn M và bà Ngô TM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo phía nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Đinh Văn O và ông Trần Văn M có quan hệ họ hàng. Bà nội ông O và bà cố ông M là chị em ruột, bà nội ông O thứ mười tên Huỳnh TĐ, bà cố ông M thứ út tên Huỳnh TM.

Đất của ông O và em ruột ông O là bà Đinh Thị T nằm ở phía trong, còn đất của ông M nằm ở ngoài mặt tiền đường nhựa 789. Gia đình ông O và gia đình bà T muốn đi ra đường 789 phải đi lối đi có diện tích 420m^2. Nguồn gốc lối đi này có trước năm 1975 của ông bà cố ông O, ông M là cụ Huỳnh Văn D và cụ Lê Thị S để lại, đi từ đời của ông bà, cha mẹ ông O, ông M rồi đến đời của ông O, ông M đều đi trên lối đi này, đây là lối đi duy nhất thuận tiện để gia đình ông O và gia đình bà T đi ra đường công cộng. Ngoài gia đình ông O và gia đình bà T còn có khoảng 20 hộ khác đi chung con đường này để ra đường 789, sau đó những hộ này di dời nhà đi nơi khác chỉ còn có gia đình ông O và gia đình bà T đi.

Đến năm 2008 ông M và bà TM làm tiệm sửa xe che khuất lối đi chỉ còn khoảng hơn 01m, ông O và bà T có ý kiến với ông M và bà TM làm như vậy thì ông O và bà T không có lối đi ra đường công cộng. Lúc này ông M và bà TM nói sẽ mở đường đi bên phải nhà của ông M và bà TM đi qua vườn cao su của ông M và bà TM để ra đường 789. Gia đình ông O và bà gia đình T cũng không có ý kiến. Đến ngày 07-6-2016 ông M và bà TM rào luôn lối đi cũ và lối đi mới không cho gia đình ông O và gia đình bà T đi nữa.

Ngoài lối đi này gia đình ông O và gia đình bà T không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng, nên gia đình ông O và gia đình bà T phải đi nhờ qua phần đất của bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Đức A để ra đường công cộng. Nhưng lối đi này đi rất khó khăn và bà D, ông A chỉ đồng ý cho đi một thời gian.

Nay ông O và bà TĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông M và bà TM trả lại lối đi cũ có diện tích 420m^2, nằm trong thửa số 2933, tờ bản đồ số 08, (bản đồ 299), qua bản đồ 2005, nằm trong thửa số 259, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông O dài 3,5m; hướng Tây giáp đường 789 dài 3,5m; hướng Nam giáp đất ông Lê Hoàng M, bà Nguyễn Thị D dài 30m + 67,3m + 13,84m + 6,45m + 4,56m; hướng Bắc giáp ông Trần Văn M dài 30,7m + 67,7m + 7,6m + 6,91m + 5,3m.

Ông O, bà TĐ và bà T không không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất của lối đi tranh chấp.

Theo phía bị đơn trình bày:

Giữa ông M, bà TM với ông O, bà TĐ và bà T chỉ là hàng xóm, không họ hàng. Nguồn gốc phần đất lối đi tranh chấp là của bà nội ông M tên Dương Thị X nhận chuyển nhượng của người khác, bà nội ông M cho ông M và bà TM quyền sử dụng đất diện tích 11.175m^2, gồm đất thổ cư và đất ruộng thuộc các thửa 2243, 2244, 3158, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, được UBND huyện TB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, cho ông Mông.

Trên đất có cất nhà ở và công trình phụ có xây hàng rào xung quanh, trong đó có diện tích đất ông O, bà TĐ và bà T yêu cầu mở lối đi. Trước khi ông M và bà TM

di dời nhà lên mặt tiền đường 789, ông M và bà TM ở phía trong gần nhà ông O. Ông M và bà TM có để một phần đất diện tích ngang 01m dài 150m làm lối đi lên đường 789 là lối đi riêng của gia đình ông M, còn gia đình ông O và một số hộ khác tự đi để ra đường 789. Thực tế không có lối đi chung nào giữa gia đình ông M và gia đình ông O cũng như các hộ khác theo lời trình bày của ông O và bà TĐ.

Năm 1994 gia đình ông M di dời lên giáp đường 789 để thuận tiện buôn bán rồi rào luôn lối đi này không cho ai đi nữa. Cách đây 20 năm ông M và bà TM xây nhà để nuôi gia súc (heo) và nhà sửa xe, trồng cây cao su thì gia đình ông O, bà T đi nhờ phía bên hông phải trên đất ông M là đi tắt qua đất chứ không phải là lối đi, sau này gia đình ông M rào lại luôn. Ngoài lối đi tranh chấp, gia đình ông O, bà TĐ, bà T còn 02 lối đi khác, đi trên phần đất của bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Đức A để ra đường công cộng.

Nay ông M và bà TM không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông O, bà TĐ và bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T, chị Đinh Thị Thủy C và chị Đinh Thị Trà Gi trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông O và bà TĐ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp lối đi giữa ông O và bà TĐ đối với ông M và bà TM.

2. Buộc M và bà TM có nghĩa vụ trả lại lối đi cho ông O, bà TĐ, bà T, chị Đinh Thị Thủy C và chị Đinh Thị Trà G có diện tích 420m^2 (trong lộ giới 29m^2), trong thửa 2933 tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), qua bản đồ lưới 2005 trong thửa số 259, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông O dài 3,5m; hướng Tây giáp đường 789 dài 3,5m; hướng Nam giáp đất ông Lê Hoàng M, bà Nguyễn Thị D dài 30m + 67,3m + 13,84m + 6,45m + 4,56m; hướng Bắc giáp đất ông M dài 30,7m + 67,7m + 7,6m + 6,91m + 5,3m (có sơ đồ kèm theo).

Ông O, bà TĐ, bà T, chị Đinh Thị Thủy C và chị Đinh Thị Trà G không có nghĩa vụ đền bù giá trị quyền sử dụng diện tích 420m^2 đất tại lối đi.

Buộc ông M và bà TM có nghĩa vụ xử lý tài sản ra khỏi lối đi gồm:

01 căn nhà tạm C diện tích (02m x 04m) trị giá 1.153.280 đồng; 01 căn nhà tạm C diện tích (01m x 11,8m) trị giá 1.701.088 đồng; 01 căn nhà tạm C diện tích (3,5m x 05m) trị giá 2.522.800 đồng; 01 cây dúi trị giá 500.000 đồng; 10 cây tre trị giá 300.000 đồng; 190 cây tầm vông trị giá 3.800.000 đồng; 02 cây cao su giá 500.000 đồng; 01 cây xanh giá 400.000 đồng.

Ghi nhận ông O và bà TĐ đồng ý hỗ trợ tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho ông M và bà TM số tiền 10.877.000 (mười triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02-10-2017, bị đơn ông M và bà TM có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện mở lối đi của ông O và bà TĐ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L, trình bày: Ông M và bà TM kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O và bà TĐ.

Ông M và bà TM không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông O và bà TĐ. Vì thực tế con đường ông O và bà TĐ yêu cầu mở lối đi không phải đường công cộng, đây là con đường đi nội bộ của gia đình ông M.

Cấp sơ thẩm buộc ông M và bà TM mở lối đi có chiều ngang dài 3,5m là không hợp lý, vì khi đó ông M và bà TM phải di dời ba căn nhà.

Ông M sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 và có đăng ký quyền sử dụng phần đất này. UBND huyện Trảng Bàng có công văn trả lời ông M không đăng ký là do UBND huyện Trảng Bàng sai sót.

Căn cứ theo tờ bản đồ 299 năm 1990 hoàn thành năm 1993, giữa hai thửa 2933 và 3108 không thể hiện lối đi trên bản đồ, nên thực tế trên phần đất của gia đình ông Mông không có con đường nào.

Yêu cầu cấp phúc thẩm đo đạc lại diện tích đất của ông M xem có đúng với diện tích đất ông M được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, để xác định xem diện tích đất 420m^2 ông O yêu cầu ông M mở lối đi có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1 của ông M không.

Nếu gia đình ông O đồng ý mua lại con đường này thì ông M và bà TM đồng ý bán.

Nguyên đơn ông O, trình bày: Yêu cầu gia đình ông M mở lại lối đi để gia đình ông và gia đình bà T đi ra đường công cộng. Lối đi này có từ trước năm 1975, là lối đi do ông bà để lại cho các hộ gia đình bên trong đi ra đường công cộng. Sau đó gia đình ông M rào lại, năm 2008 gia đình ông M có mở lối đi ở bên, sau đó cũng rào lại luôn.

Đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M.

Nguyên đơn bà TĐ, trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông O.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà TM.

Tại cấp phúc thẩm ông O và bà TĐ đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, theo hướng ghi nhận tại cấp phúc thẩm ông O và bà TĐ đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m ngang và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, có diện tích 11.175m^2, thuộc các thửa đất số 2243, 2244, 3148, tờ bản đồ số 8, do UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông M ngày 29-9-1993. Hiện nay, ông M và bà TM đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Công văn số 97/UBND, ngày 07-6-2018, của UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xác định diện tích đất ông O yêu cầu ông M mở lối đi không nằm trong diện tích đất 11.175m^2 mà UBND huyện Trảng Bàng đã cấp cho ông M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, ngày 29-9-1993.

Căn cứ Công văn số 58/NHNoTN-KTNB, ngày 20-9-2018, của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh, xác định các khoản vay của ông M và bà TM là nợ trong hạn, Ngân hàng không yêu cầu ông M và bà TM trả nợ trước hạn.

Do đó, trong vụ án này Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh không có liên quan. Cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, chị Đinh Thị Thủy C và chị Đinh Thị Trà G vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông M và bà TM, vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L, có mặt.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông M và bà TM thấy rằng:

[2.1] Ông O có bà nội là cụ Huỳnh Thị Đ, ông M có bà cố là cụ Huỳnh Thị M và bà nội là cụ Dương Thị X, bà T là chị ruột ông O. Căn cứ Phụ bản gia phả (BL111)

thấy rằng cụ Huỳnh Thị Đ và cụ Huỳnh Thị M là con của cụ Huỳnh Văn D và cụ Lê Thị S.

Phần đất ông O yêu cầu ông M mở lối đi có nguồn gốc do cụ Huỳnh Văn D và cụ Lê Thị S khai hoang để lại cho các con cháu, trong đó có cụ Huỳnh Thị Đ và cụ Huỳnh Thị M. Sau đó cụ Đ để lại cho con là ông Đinh Văn T, ông T để lại cho con là ông O; cụ Mè để lại cho con trai là ông Trương Văn H và con dâu bà Dương Thị X, khi ông H chết bà X để lại cho cháu nội là ông M.

Tại Bản tự khai ngày 16-8-2016 của ông M (BL53) và của bà TM (BL48) đều thừa nhận có lối đi này từ trước, nhưng đây là lối đi riêng của gia đình, không phải lối đi chung, gia đình ông O và gia đình bà T chỉ đi nhờ trên lối đi này. Hiện nay gia đình ông O và gia đình bà T còn hai lối đi ra đường công cộng khác.

Qua kết quả xác minh các đương sự tại địa phương như bà Võ Thị R, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thi D, ông Bùi Văn T, ông Huỳnh Đức A, bà Trần Thị Bạch Đ, bà Võ Thị G, ông Hồ Văn O, ông Huỳnh Văn N (tại các BL từ 98 đến 109), đều xác định lối đi này có từ trước năm 1975, là lối đi chung của gia đình ông O, ông M, bà T và các hộ gia đình khác để ra đường 789, là lối đi duy nhất và không còn lối đi nào khác. Sau khi ông M rào lại lối đi này, gia đình ông O, gia đình bà T phải đi bằng hai lối đi khác là đi nhờ lối đi qua đất nhà bà D và một lối đi khác là đi nhờ qua đất nhà ông A, nhưng cả hai lối đi này đều nhỏ, chỉ rộng khoảng 0,5m, gồ ghề và rất khó đi.

[2.2] Người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Nguyễn Thị L cho rằng căn cứ theo tờ bản đồ 299 năm 1990 hoàn thành năm 1993, giữa hai thửa 2933 và 3108 không thể hiện lối đi trên bản đồ, nên thực tế trên phần đất của gia đình ông M không có con đường nào. Yêu cầu cấp phúc thẩm đo đạc lại diện tích đất của ông M xem có đúng với diện tích ông M được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, để xác định xem diện tích đất 420m^2 ông O yêu cầu ông M mở lối đi có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1 của ông M không, thấy rằng:

Tại Biên bản xác minh, ngày 07-02-2017 (BL97), cán bộ địa chính xã HT, huyện TB xác định: Theo bản đồ 2005, thửa 2933, nay là thửa 259, tờ bản đồ số 19 có thể hiện lối đi, đây là lối đi ông O đang tranh chấp với ông M. Lý do theo bản đồ 299 không thể hiện lối đi qua bản đồ 2005 có thể hiện lối đi, là do bản đồ 2005 được đo theo hiện trạng thực tế nên chính xác hơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 28-8-2018, ông Nguyễn Minh S cán bộ địa chính xã HT, huyện TB xác định: Con đường nằm giữa hai thửa 2932 và 2933 theo bản đồ 299 thực tế là không đúng, do lúc vẽ bản đồ bị sai vị trí con đường. Con đường này phải nằm giữa hai thửa 2933 và 3108 theo bản đồ 299 mới đúng thực tế.

Qua xác minh, thửa 2933, tờ bản đồ 299 là thửa 259, 69 và một phần lớn thửa 70, theo bản đồ năm 2005; thửa 3108 tờ bản đồ 299 bao gồm các thửa 75, 76, 79, 80, 85 và 90 theo bản đồ năm 2005. Căn cứ, Sơ đồ đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh cung cấp, thể hiện giữa các thửa đất số 259, 69, 70 và các thửa 75, 76, 79, 80, 85, 90 có thể hiện lối đi là đường đất.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN093808, do UBND huyện Trảng Bàng cấp cho bà Nguyễn Thị D, ngày 20-11-2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ352897, do UBND huyện Trảng Bàng cấp cho ông Lê Hoàng M ngày 17-8-2016 thì đều thể hiện có lối đi là đường đất (đất bà D và ông M giáp đường đất ông O, bà TĐ, bà T, chị C, chị G tranh chấp với ông M, bà TM).

Tại Công văn số 97/UBND, ngày 07-6-2018, của UBND huyện Trảng Bàng xác định diện tích ông O yêu cầu ông M mở đường không nằm trong diện tích 11.175m^2 mà UBND huyện Trảng Bàng đã cấp cho ông M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01721/QSDĐ/I1, ngày 29-9-1993.

Từ những căn cứ trên, thấy rằng lời trình bày của người đại diện của bị đơn là không có căn cứ.

[2.3] Có căn cứ xác định ông O và ông M có quan hệ họ hàng với nhau. Lối đi tranh chấp có diện tích 420m^2 là lối đi chung trong tông chi của nhiều hộ gia đình trước đây và có từ trước năm 1975. Ông M kháng cáo không đồng ý mở lối đi này vì cho rằng đây là lối đi của riêng gia đình ông, không phải lối đi chung trong tông chi. Nhưng ngoài lời trình bày của mình, ông không cung cấp được căn cứ chứng minh đây là lối đi riêng của gia đình ông. Bên cạnh đó, nguồn gốc của phần đất này là do được hưởng từ ông bà để lại, là một phần đất lớn sau đó mới chia nhỏ cho từng hộ gia đình và khi chia nhỏ thì cần phải dành lối đi để các hộ gia đình phía trong đi lại.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tranh chấp lối đi giữa ông O và bà TĐ đối với ông M và bà TM. Buộc ông M và bà M có nghĩa vụ trả lại lối đi có diện tích 420m^2 cho gia đình ông O và gia đình bà T là có căn cứ.

[2.4] Ông M và bà TM kháng cáo nhưng không cung cấp được căn cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận; lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ông M, bà TM là bà Nguyễn Thị L cũng không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Ghi nhận tại cấp phúc thẩm ông O và bà TĐ đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà TM.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận tại cấp phúc thẩm ông O và bà TĐ đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M, là có căn cứ.

[6] Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27-02-2009, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên ông M và bà TM không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông M và bà TM tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009148 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27-02-2009, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của M và bà TM.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, theo hướng ghi nhận tại cấp phúc thẩm ông O và bà TĐ đồng ý mở lối đi có chiều ngang 03m (ba mét) và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho gia đình ông M.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp lối đi" của ông O và bà TĐ đối với ông M và bà TM.

3.1. Buộc ông M và bà TM có nghĩa vụ mởi lại lối đi, thuộc thửa đất số 2933, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), qua bản đồ lưới năm 2005, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, cho ông O, bà TĐ, bà T, chị Đinh Thị Thủy C và chị Đinh Thị Trà G mà không có đền bù.

Có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông O dài 03m;

+ Hướng Tây giáp đường 789 dài 03m;

+ Hướng Nam giáp đất ông Lê Hoàng M, bà Nguyễn Thị D dài 30m + 67,30m + 13,84m + 6,45m + 4,56m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông M dài 30,7m + 67,7m + 7,6m + 6,91m + 5,3m.

3.2. Buộc ông M và bà TM có nghĩa vụ xử lý tài sản ra khỏi lối đi gồm:

+ 01 căn nhà tạm C diện tích (02m x 04m) trị giá 1.153.280 đồng;

+ 01 căn nhà tạm C diện tích (01m x 11,8m) trị giá 1.701.088 đồng;

+ 01 căn nhà tạm C diện tích (3,5m x 05m) trị giá 2.522.800 đồng;

+ 01 cây dúi trị giá 500.000 đồng;

+ 10 cây tre trị giá 300.000 đồng

+ 190 cây tầm vông trị giá 3.800.000 đồng;

+ 02 cây cao su trị giá 500.000 đồng;

+ 01 cây xanh trị giá 400.000 đồng.

3.3 Ghi nhận ông O và bà TĐ đồng ý hỗ trợ tiền chi phí xử lý tài sản ra khỏi lối đi cho ông M và bà TM số tiền 20.877.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận ông O, bà TĐ và bà T nhận chịu 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông M và bà TM phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông O và bà TĐ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông O và bà TĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007930 ngày 04-10-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông M và bà TM không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông M và bà TM tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009148 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND h.Trảng Bàng;
- CCTHADS h.Trảng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân